

TỔ QUỐC
GHI ƠN
118



KHOA 19 - TVBQGVN

ANH LINH VÕ BỊ - VỊ QUỐC VONG THÂN

KHÓA 19 - NGUYỄN TRÃI

118 ANH LINH VÕ BỊ

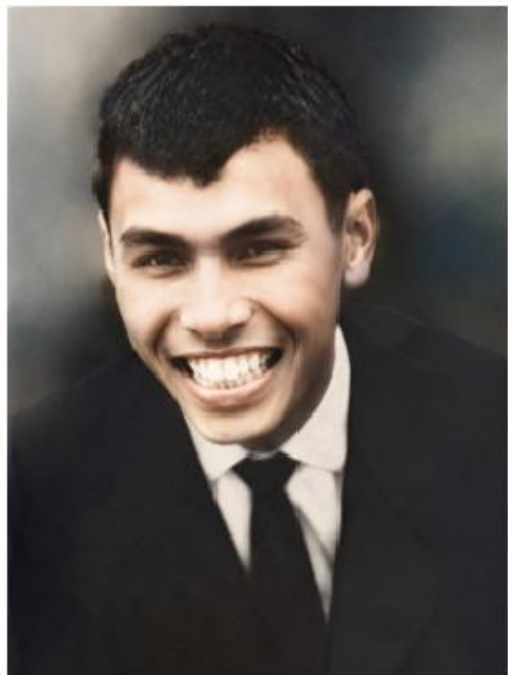
VỊ QUỐC VONG THÂN

GHI CHÚ:

Những chữ viết tắt:

BB: Bộ Binh,
BDQ: Biệt Động Quân,
BQHC: Bảo Quốc Huân Chương,
ĐĐ: Đại Đội,
ĐĐT: Đại Đội Trưởng,
ĐPQ: Địa Phương Quân,
Đ/Úy: Đại Úy,
LĐ: Liên Đoàn hoặc Lữ Đoàn,
ND: Nhảy Dù,
SĐ: Sư Đoàn,
SQ: Số quân,
st: Sinh tại,
TĐ: Tiểu Đoàn,
TĐT: Tiểu Đoàn Trưởng,
TG: Thiết Giáp,
Th/Úy: Thiếu Úy,
Th/Tá: Thiếu Tá,
TK: Tiểu Khu,
TQLC: Thủy Quân Lục Chiến,
Trđ: Trung Đội,
TrĐ: Trung Đoàn,
TrđT: Trung Đội Trưởng,
TrĐT: Trung Đoàn Trưởng,
Tr/Úy: Trung Úy,
Tr/Tá: Trung Tá,
TT: Truy Thắng

1- Th/Úy **PHẠM NGỌC BÁCH**
29/9/1941-2/3/1965, SQ:61/105617, st Hà Nội.
ĐĐT BĐQ. Tử trận tại Xóm Xinh, Chiến Khu
D, Phước Thành.



PHẠM NGỌC BÁCH

2- Th/Tá **TRẦN VĂN BÉ**
4/3/1940-9/4/1976, SQ:60/130663, st Mỹ Tho.
Trưởng Phòng 2/TK Định Tường. Trốn trại tù
Suối Máu.



TRẦN VĂN BÉ

Bị bắt và bị đưa ra xử trước cái gọi là Tòa
Án Quân Sự Quân Khu 7 của VC ngay trong
trại Suối Máu. Vụ xét xử chỉ là trò hề vì một

cái huyết đã đào sẵn bên cạnh một cọc sắt. Sau
những thủ đoạn vu khống, tên Trung Tá VC,
chánh án, tuyên án tử hình, lập tức Trần Văn
Bé bị đưa ra hành quyết.

3- Tr/Tá **NGUYỄN VĂN BÌNH**
10/10/1943-1978, SQ:63/210574, st Thừa
Thiên. TrĐT/TrĐ 54/SĐ1BB. Trốn trại tù
Tiên Lãnh, bị bắt và bị xử bắn.



NGUYỄN VĂN BÌNH

Lê Khắc Kha, K19 viết:

*K19 có nhiều người đã được thăng cấp
Tr/Tá do khả năng chỉ huy và lãnh đạo, trong
số đó có các LĐ Phó, TrĐ Phó và TrĐ Trưởng.*

*Trong số 14 Tr/Tá thuộc K19 thì Nguyễn
Văn Bình, TrĐ Trưởng TrĐ54/SĐ1BB là một
trong những “ngôi sao” tương lai của K19,
các bạn đồng khóa, cùng SĐ1BB như Nguyễn
Văn Hóa, Lê Khắc Kha, Hoàng Trai đã xác
nhận điều đó. Ngoài những đức tính cần thiết
cho một cấp chỉ huy lý tưởng của quân đội là
liêm khiết, thuộc cấp phục và thượng cấp mến
thì Nguyễn Văn Bình còn là một người con chí
hiếu, mỗi khi chu toàn nhiệm vụ với đại gia
đình là đơn vị thì việc kế tiếp là thăm viếng mẹ
già, khi từ giã mẹ thì anh luôn luôn đi thụt lùi.*

Sau 30/4/1975 anh bị giam tại trại tù Tiên Lãng, anh đã vượt ngục, khi gần tới biên giới Lào thì bị bắt lại, trên đường bị giải giao về trại, anh đã cương quyết chống lại thái độ hỗn xược của bọn cai tù nên anh đã bị chúng bắn tại chỗ. Ý chí bất khuất của Nguyễn Văn Bình trong lao tù đã được một bạn tù viết thành một cuốn sách, nhưng trong phạm vi ngắn gọn này thì lời nhận xét của một đồng khóa, cùng SĐIBB là quá đủ:

“Tr/Tá Nguyễn Văn Bình, là một cấp chỉ huy gương mẫu, lý tưởng của QL/VNCH, người con chí hiếu của gia đình và là người tù bất khuất”.

4- Th/Tá TT **LÊ THÀNH BÔN**

1/7/1940-10/2/1971, SQ:60/139325, st Chợ Lớn.

ND. Tử trận tại Hạ Lào.



LÊ THÀNH BÔN

Đoàn Phương Hải, K19 viết:

Tr/Úy Lê Thành Bôn được lệnh về làm tùy viên cho Trung Tướng Dư Quốc Đống Tư Lệnh SĐND thay cho Th/Úy Phạm Thượng Chí xin ra tác chiến. Một năm sau, Lê Thành Bôn lại xin ra tác chiến giữa lúc chiến trường vô cùng sôi động trên khắp nơi.

Ngày 10/2/1971, Đ/Úy Lê Thành Bôn ĐĐ Trưởng/TĐ3ND chạm địch rất mạnh với một TĐ VC có chiến xa yểm trợ. Bôn đã phối hợp hỏa lực không, pháo yểm, điều động binh sĩ chiến đấu gây tổn thất nặng nề cho địch quanh căn cứ hỏa lực 31 của BCH/LĐ3ND. Trong lúc chỉ huy, Đ/Úy Lê Thành Bôn đã anh dũng hy sinh đền nợ nước trên đất Hạ Lào. Được truy thăng cổ Th/Tá.

5- Th/Tá TT **BÙI ĐỨC CÁT**

4/6/1943-29/3/1971, SQ:63/102251, st Nam Định.

Trưởng Phòng 3/ LĐ3TG. Tử trận tại Đồn Điền Chup, Cam Bốt.

6- Th/Tá TT **NGUYỄN ĐỨC CẦN**

16/10/1940-9/4/1968, SQ:60/140827, st Hưng Yên.

ĐĐ Trưởng ĐĐ33/TĐ3ND. Tử trận vùng Căn Cứ Khe Sanh.



NGUYỄN ĐỨC CẦN

Đoàn Phương Hải, K19 viết:

Ngày 4/4/1968, LĐ3ND gồm 3 TĐ 3,6,8 tham dự hành quân Lam Sơn 207A tại Khe Sanh. Toàn bộ LĐ3ND được trực thăng vận

vào phía đông căn cứ Khe Sanh do TQLC/HK trấn giữ, với nhiệm vụ hành quân giải tỏa áp lực của 4 SĐ Cộng Quân 325, 324, 304 và 320 cùng các TrĐ pháo, hỏa tiễn bao vây căn cứ hỏa lực Khe Sanh. Các đơn vị ND đã liên tục chạm súng dữ dội với Cộng Quân quanh căn cứ Khe Sanh. Đ/Úy Nguyễn Đức Cẩn ĐĐ Trưởng ĐĐ33/TĐ3ND đã anh dũng hy sinh đền nợ nước vào ngày 9/4/1968 trên vùng đồi núi Khe Sanh và được truy thăng Th/Tá. Nguyễn Đức Cẩn hy sinh khi vợ mang bầu sắp sanh nên Cẩn chưa kịp đón mừng con trai đầu lòng!

7- Th/Tá TT **LÊ DUY CẦU**

23/1/1943-6/1972, SQ:63/126190, st Gia Định.

TĐ Trưởng ĐPQ/TK Ba Xuyên.

Tử trận tại Sóc Trăng.



LÊ DUY CẦU

8- Tr/Úy TT **PHẠM KHÁNH CHÂM**

10/10/1939-1/1/1966, SQ:59/151205, st Hà Đông.

TĐ1ND. Tử trận tại Hậu Nghĩa.

9 - Tr/Úy TT **PHẠM CHẤT**

14/2/1941-14/11/1966, SQ:61/202660, st Thừa Thiên.

TĐ39BDQ. Tử trận tại Quảng Nam.



PHẠM CHẤT

10 - Tr/Tá **TRẦN NGHĨA CHÂU** 17/7/1940-1975, SQ:60/141206, st Cam Bốt.

TrĐ Phó TrĐ 40/SĐ22BB.

Tử trận, xác Ông ở tại chiến trường.



TRẦN NGHĨA CHÂU

CSVSQ Trịnh Bá Tứ, K18 viết:

Cuối năm 1968, khi tôi, Trịnh Bá Tứ Khóa 18, về nhận TĐ4/40/SĐ22BB thì Trần Nghĩa Châu là TĐ Phó và ba ĐĐ Trưởng là K21 và K22. Chúng tôi đã có một thời gian dài chiến đấu bên nhau, lòng dũng cảm, khả năng chỉ huy của các đàn em làm tôi vững tâm trong mọi tình thế, nhưng điều mà tôi cảm thấy hạnh phúc là Trần Nghĩa Châu là chất keo kết dính đồng môn Võ Bị với nhau, cho dù khi anh đi làm TĐ Trưởng ở đơn vị khác cũng vẫn thế.

Năm 1972 tôi bị bắt, sau đợt trao trả tù binh 1973, Châu đã đến thăm và tặng tôi một món quà quý giá mà nay nhắc lại tôi vẫn muốn khóc, Châu nói:

-Mừng anh đã trở về, anh yên tâm có đàn em lo cho anh.

Đầu năm 1975, Châu lên Tr/Tá và đi làm TrĐ Phó, anh gọi báo cho tôi hay, chẳng bao lâu, tôi nghe tin anh hy sinh và xác anh ở lại chiến trường.

11 - Đ/Úy TT **TRẦN KIÊM CHI**

19/9/1938-25/3/1967, SQ:58/101846, st Bình Dương. Tử thương vì công vụ.



TRẦN KIM CHI

12 - Tr/Úy TT **PHẠM THƯỢNG CHÍ** 3/10/1941-1/1/1966, SQ:61/111971, st Sài Gòn.

TĐ8ND. Tử trận tại Bồng Sơn, Bình Định.



PHẠM THƯỢNG CHÍ

Đoàn Phương Hải, K19 viết:

Sau khi trình diện SĐND, Th/Úy Phạm Thượng Chí được Trung Tướng Dư Quốc Đống Tư Lệnh SĐND giữ lại làm sĩ quan tùy viên, nhưng Chí luôn xin ra các TĐ tác chiến, khoảng một năm sau Chí được chuyển về TĐ8ND. Trong trận ND tiêu diệt trọn một TĐ Cộng Quân tại Bồng Sơn năm 1966, Th/Úy Phạm Thượng Chí đã anh dũng hy sinh ngày 1/1/1966, và được truy thăng cô Tr/Úy. Trung Tướng Tư Lệnh SĐND đã bay đến mặt trận, ngậm ngùi tiếc thương một cựu sĩ quan tùy viên đã anh dũng hy sinh vì tổ quốc.

Phạm Thượng Chí đã một lòng: “Chúng tôi không tìm an lạc dễ dàng mà chỉ khát khao gió mưa cùng nguy hiểm”.

13 - Th/Úy **NGUYỄN VĨNH CHỈ**
3/3/1941-18/1/1965, SQ:61/203997, st Quảng
Nam. TĐ32 BĐQ. Tử trận tại Tam Hiệp, quận
Bến Tranh, Mỹ Tho.



NGUYỄN VĨNH CHỈ

14 -Đ/Úy TT **TRẦN VĂN CHÍCH** 5
/10/1940-4/12/1967, SQ:60/140630, st Bình
Dương. TĐ5TQLC. Tử trận tại Rạch Ruộng,
Tỉnh Kiên Phong.



TRẦN VĂN CHÍCH

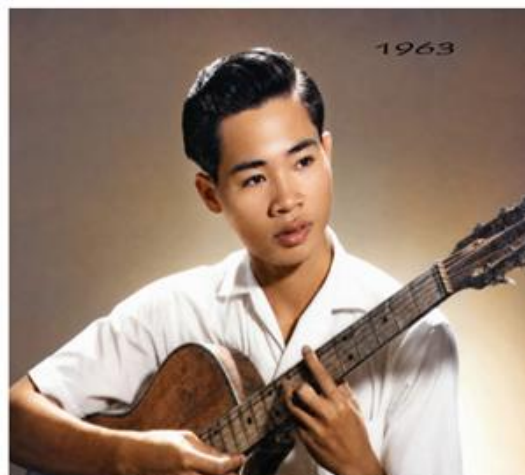
15 - Th/Úy **HOÀNG VĂN CHU**
8/1/1941-29/3/1965, SQ:61/100008, st Cao
Bằng. TĐ21BĐQ. Tử trận tại Kontum, xác
Ông ở tại chiến trường Kontum.



HOÀNG VĂN CHU

16 - Tr/Úy TT **NGUYỄN VĂN
BẠCH CHU**
3/10/1941-28/2/1966, SQ:61/156251, st Kiên
Hòa. TĐ8ND. Tử trận tại Quảng Trị.

17 - Th/Úy **NGUYỄN ĐỨC CHUẨN** 17/
2/1941-8/12/1965, SQ:61/115327, st Nam
Định, TĐ11BĐQ, tử trận tại Quảng Nam.



NGUYỄN ĐỨC CHUẨN

18 - Th/Tá **NGUYỄN HUY CỰ**
23/4/1938-1972, SQ:58/102965, st Hà Đông.
SĐ18BB. Tử trận.

19 - Đ/Úy **LÊ VĂN CỬ**
21/12/1939-28/9/1976, SQ:59/211123.
Quân Cảnh. Chết trong tù Hoàng Liên Sơn.



LÊ VĂN CỬ

20 - Tr/Úy **HUỲNH BÁ DŨNG** 20
/10/1942-1/2/1968, SQ:62/209749, st
Quảng Nam.
SĐ2BB. Tử trận tại Thị Xã Quảng Ngãi.



HUỲNH BÁ DŨNG

21 - Tr/Úy TT **TRẦN TRÍ DŨNG**
28/11/1940-12/6/1965, SQ:60/204128, st Đà
Nẵng.
TĐ7ND. Tử trận tại Đồng Xoài.



TRẦN TRÍ DŨNG

Đoàn Phương Hải K19 viết:

Ngày 8/6/1965, đại quân Bắc Việt đánh chiếm quận lỵ Đồng Xoài gây cho quân bạn nhiều tổn thất nặng nề. Ngày 10/6/1965, TĐ7 ND được trực thăng vận phối hợp cùng TĐ52 BĐQ tái chiếm lại quận lỵ Đồng Xoài. Sáng ngày 12/6/1965, TĐ7ND tiếp tục hành quân và chạm địch nặng với 2 trung đoàn 271 và 272 Cộng quân tại đồn điền cao su Thuận Lợi phía Bắc Đồng Xoài 7 cây số. Địch dùng chiến thuật biến người bao vây, chia cắt, mưa pháo tấn công và cận chiến với TĐ7ND trong suốt ngày đêm 12/6/1965.

Th/u Trần Trí Dũng chỉ huy binh sĩ chiến đấu đến viên đạn cuối cùng và đã tử thương khi vừa ra trường được hơn 6 tháng.

22 - Tr/Tá TT **NGUYỄN ĐA**

13/4/1940-5/1973, SQ:62/415055, st Đà Lạt.
TĐ Trưởng TĐ1/TrĐ9/SĐ5BB.
Tử trận trên QL13 Bình Long.

23 - Đ/Úy TT **PHAN XUÂN ĐÀI** 12/2/
1941-29/8/1967, SQ:61/216045, st Thừa
Thiên. ĐĐ Trưởng/TĐ3/TrĐ41/SĐ22 BB.
Tử trận tại Phù Mỹ, Bình Định.



PHAN XUÂN ĐÀI

Trương Thanh Sương, K19 viết:
*Là ĐĐ Trưởng/TĐ3/TrĐ41/SĐ22BB, gan
dạ, đã tạo những chiến công đáng kể trong các
cuộc hành quân vùng Bắc Bình Định. Binh Sĩ,
Hạ Sĩ Quan và Sĩ Quan trong TĐ nỗ lực sự
gan dạ, kể cả tài chỉ huy của anh.*

*Mặc dù còn đang được nghỉ phép kết hôn,
nhưng khi đơn vị hành quân thiếu sĩ quan chỉ
huy nên anh trở lại trình diện để cùng hành
quân với đơn vị. Ngay ngày đầu cuộc hành
quân tại vùng Phù Mỹ, Bình Định, đơn vị anh
đã đụng địch và thanh toán rất nhiều mục tiêu,
đôi bên đều ít nhiều tổn thất và Phan Xuân Đài
đã hy sinh ngày 29/8/1967. Nợ nước anh đền
xong, để lại người vợ mới cưới đã thành góa
phụ. Anh được truy thăng có Đ/Úy.*

24 - Th/Úy **NGUYỄN LÊ ĐẠI**
4/5/1942-25/10/1965, SQ:62/417672, st Bình
Thuận.
BDQ. Tử trận tại Tuy Hòa, Phú Yên.

25 - Th/Úy **LÊ ĐÌNH ĐIỀN**
21/ 12/ 1939- 8/6/1965, SQ: 59/ 159052, st
Chợ Lớn.
TrĐ31/SĐ21BB. Tử trận tại Chương Thiện.



LÊ ĐÌNH ĐIỀN

26 - Th/Tá TT **NGUYỄN VĂN ĐIỀN** 2/
10/1942-1972, SQ:62/120593, st Chợ Lớn.
TĐ6ND. Tử trận tại Tây Ninh.



NGUYỄN VĂN ĐIỀN

27 - Tr/Úy **NGUYỄN NGỌC ĐIỆP**
10/1/1940-9/1/1967, SQ:60/401431, st
Hải Dương.
ĐĐT/TĐ3/TrĐ15BB. Tử thương tại Nha
Mân, Sa Đéc, khi hành quân vượt sông.



NGUYỄN NGỌC ĐIỆP

28 - Đ/Úy TT **LÂM MINH ĐIỀU**
2/11/1942-6/5/1968, SQ:62/129010, st Long
An. ĐĐT ĐĐ1/TrĐ43/SĐ18BB. Tử trận trên
Quốc Lộ 20 giữa Túc Trưng và La Ngà, quận
Định Quán, Long Khánh.



LÂM MINH ĐIỀU

29 - Tr/Tá TT **LÊ VĂN ĐỊNH**
27/2/1939-5/3/1971, SQ:58/200740, st Thừa
Thiên.
TĐT TĐ5/TrĐ2/SĐ1BB. Tử trận tại Hạ Lào.



LÊ VĂN ĐỊNH

30 - Tr/Úy **NGUYỄN VĂN ĐỒNG**
21/4/1941-12/12/1966, SQ:61/171753, st Vĩnh
Long. SĐ21BB. Tử trận.

31 - Tr/Tá TT **ĐẶNG TRUNG ĐỨC**
14/7/1941-5/1972, SQ:62/407905, st Đà Nẵng.
TĐT/TrĐ44BB/SĐ23BB. Tử trận tại Ngô
Trang, Kontum.



ĐẶNG TRUNG ĐỨC

Song Vũ Ngô Văn Xuân, K17 viết về Đặng Trung Đức:

Trong bất cứ cuộc hành quân quan trọng nào, tôi, Ngô Văn Xuân K17, TrĐ Trưởng TrĐ44BB luôn dùng hai TĐ của Đặng Trung Đức và Nguyễn Xuân Phán là K19, cả TĐ này đều có thành tích chiến đấu cao nhất trong TrĐ44BB.

TrĐ44BB đã được tuyên dương công trạng trước Quân Đội lần thứ năm về những chiến công hiển hách, mà TrĐ đã đạt được trong suốt thời gian tác chiến tại mặt trận Kontum 1972, trong đó có công lao của Đặng Trung Đức, một TĐ Ttrưởng ưu tú, tài ba cả tác chiến lẫn tham mưu của SĐ23BB, được hầu hết các cấp chỉ huy và bạn bè quý mến, thuộc cấp kính nể yêu thương.

Nhưng tiếc thay, Thiếu Tá Đặng Trung Đức đã hy sinh vì Tổ Quốc, đền ơn Trường Võ Bị Quốc Gia Việt Nam vào tháng 5/1972. Anh được truy thăng cổ Tr/Tá. Tướng Tư Lệnh SĐ23BB đã lấy tên anh đặt cho bản doanh BTL/SĐ23BB Hành Quân tại Kontum.

32 - Đ/Úy **NGHIÊM CÔNG ĐỨC**

4/4/1942-11/12/1969, SQ:62/120919, st Thái Bình.
BDQ. Tử trận.

33 - Th/Úy **NGUYỄN CHÍ ĐỨC**

19/8/1938-1965, SQ:58/102256, st Nam Định.
ĐĐ5/TrĐ2/TrĐ9/SĐ5BB.
Tử trận tại Trị Tâm, Dầu Tiếng.

34 - Th/Úy **NGUYỄN VĨNH GIA**
10/1/1943-18/1/1966, SQ:63/206030,
st Quảng Tín.
TĐ11BDQ. Tử trận tại Quảng Nam.



NGUYỄN VĨNH GIA

35 - Tr/Úy **NGUYỄN GIÁO**
18/10/1942-28/12/1967, SQ:62/204717, st
Thừa Thiên. ĐĐT ĐĐ3/TĐ37BDQ.
Tử trận tại Gò Nổi, Điện Bàn, Quảng Nam.



NGUYỄN GIÁO

36 - Tr/Úy TT **NGUYỄN VĂN HAI**
4/5/1941-1/8/1966, SQ:61/106810, st Sài Gòn.
TrĐ48/ SĐ18BB, tử trận.



NGUYỄN VĂN HAI

37 - Tr/Úy TT **NGUYỄN VĂN HÀO**
14/9/1941-27/11/1965, SQ:61/115883, st Ninh
Bình. ĐĐT ĐĐ1/TĐ2/TrĐ7/SĐ5BB.
tử trận tại Dầu Tiếng.

38 - Th/Úy **PHẠM DUY HIỆP**
18/10/1940-4/4/1965, SQ:60/406080, st Nha
Trang. BDQ, Tử trận.



PHẠM DUY HIỆP

39 - Tr/Úy TT **TRẦN VĂN HIẾU**
tự TÂM:
21/5/1938-22/12/1965, SQ:58/148615, st
Vĩnh Long.
ĐĐT ĐĐ1/TĐ2/TrĐ31/SĐ21BB.
Tử trận tại Chương Thiện.



TRẦN VĂN HIẾU tự TÂM

40 - Đ/Úy **HỒ NGỌC HOÀNG** 9/
11/1942-23/3/1975, SQ:60/205000, st
Quảng Trị.
TĐ6TQLC. Mất tích tại Đà Nẵng.



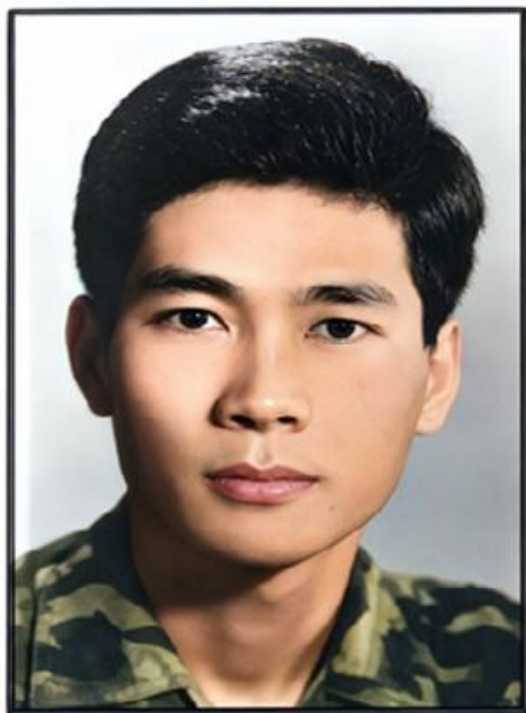
HỒ NGỌC HOÀNG

41 - Tr/Úy TT **DƯƠNG ĐẮC HÒE**
1/5/1938-28/11/1966, SQ:58/113145, st Nam
Định. Quan sát viên L19/SĐ23BB.
Tử thương tại Quảng Đức.



DƯƠNG ĐẮC HÒE

42 - Th/Tá **TRẦN VĂN HỢP**
15/10/1942-1978, SQ:62/415271, st Chợ Lớn.
TĐT TĐ2/TQLC. Chết trong tù tại Miền Bắc.



TRẦN VĂN HỢP

Tô Văn Cáp K19, TĐ2/TQLC viết:

Trần Văn Hợp chọn Binh Chung TQLC, chỉ sau một thời gian ngắn thì Hợp và một số K19 khác đã được đặc cách thăng cấp Tr/Úy tại mặt trận. Hợp phục vụ liên tục tại TĐ2/TQLC (Trâu Điền) từ cấp Trữ Trưởng cho đến TĐ Trưởng và là TĐ Trưởng duy nhất trong số 30 K19/TQLC. Hợp đã tham dự tất cả các cuộc hành quân trên khắp bốn vùng chiến thuật/ Quân Khu, Cao Miên, Hạ Lào, Mùa Hè Đỏ Lửa, Tái Chiếm Cổ thành Quảng Trị cho tới giờ phút cuối cùng 30/4/1975. Vào giai đoạn khốc liệt nhất mùa Hè 1972 và giai đoạn 55 ngày đêm tái chiếm Cổ Thành Quảng Trị, Trần Văn Hợp, TĐT/TĐ2/TQLC luôn xuất sắc hoàn thành nhiệm vụ.

Điều đáng nói về Hợp không phải là chiến công, cấp bậc hay huy chương v.v... mà là phong cách sống và chỉ huy của một sĩ quan xuất thân Võ Bị, đó là một sĩ quan lý tưởng như thầy Trần Ngọc Huyền từng mong ước và huấn luyện. Tư cách sống và chiến đấu của Trần Văn Hợp đã được các đàn em trong Trâu Điền kính phục.

Trần Văn Hợp sống và chiến đấu dưới quyền chỉ huy của NT Nguyễn Xuân Phúc K16 từ cấp ĐĐ đến LĐ nên có thể nói Hợp là “bản sao” của anh Phúc về phong cách chỉ huy, cương trực và liêm khiết, vì thế chính anh Phúc đã chọn Hợp thay anh trong chức vụ TĐT/TĐ2.

Trong một buổi họp các đơn vị trưởng, vị Tư Lệnh Binh Chung đã nhận xét:

-“Có thể không ưa Trần Văn Hợp, nhưng không ai dám coi thường Hợp”.

Thiết nghĩ chẳng cần diễn giải những chữ “không ưa” và “coi thường” mà vị Tư Lệnh Binh Chung nhận xét về Trần Văn Hợp, thực tế chứng minh đó là những cấp chỉ huy không nạt dưới nịnh trên mà chỉ có đồng đội, chỉ biết phục vụ Tổ Quốc, Danh Dự và Trách Nhiệm.

43 - Th/Úy **NGUYỄN VĂN HÙNG**

14/4/1945-31/12/1964, SQ:65/100327, st Hà Đông.

TĐ4TQLC. Tử trận tại Bình Giã, Phước Tuy, được truy tặng Đệ Ngũ Đảng BQHC.



NGUYỄN VĂN HÙNG

44 - Th/Tá TT **TRẦN XUÂN HÙNG**

15/3/1938-7/12/1968, SQ:58/146111, st Trà Vinh. Xử lý thường vụ chức vụ TĐ Phó TĐ43BDQ. Tử trận tại Kinh Bà Đàm Thác Lác.

Kang Tum Son, K19 viết:

Anh hy sinh ngày 7/12/1968 tại Kinh Bà Đàm Thác Lác trong cuộc hành quân trực thăng vận tiếp viện cho một đơn vị SĐ21BB đang chạm địch mạnh vùng giáp ranh 2 tỉnh Cần Thơ, Chương Thiện. Cảnh quân của Hùng đã lọt vào ổ động thổ phục kích của địch ngay tại bãi đáp trực thăng. Hùng và binh sĩ thuộc quyền đã chiến đấu dũng cảm, gây cho đối phương tổn thất nặng. Phản phục kích mà đạt được kết quả như vậy là ít có xảy ra. Nhưng đến viên đạn cuối cùng rồi Hùng cũng đã hy sinh và bị VC cắt cổ cùng với một cố vấn Mỹ.

45 - Th/Úy **VÕ THÀNH KHÁNG**

2/2/1940-31/12/1964, SQ:60/202225, st Thừa Thiên. Thủ Khoa Khóa 19.

TĐ4/TQLC. Tử trận tại Bình Giã, Phước Tuy, được truy tặng Đệ Ngũ Đảng BQHC. Ông và 2 người bạn cùng K19 (*Nguyễn Văn Hùng và Nguyễn Thái Quan*) là 3 sĩ quan đã hy sinh sớm nhất của K19.



VÕ THÀNH KHÁNG

46-Tr/Úy **NGUYỄN KIM KHÁNH**

29/10/1940-4/8/1966, SQ:60/131154, st Sài Gòn.

BDQ. Tử trận tại ven đô Sài Gòn.



NGUYỄN KIM KHÁNH

47- Đ/Úy **TRẦN VĂN KHÁNH**
20/8/1943-1976, SQ:62/205231, st Quảng Trị.
Quân Cảnh. Trốn trại tù VC Long Giao, bị xử
bắn năm 1976.



TRẦN VĂN KHÁNH

48- Tr/Úy TT **NGUYỄN ĐỨC KHIẾT**
17/10/1942-4/2/1966, SQ:62/417474, st
Khánh Hòa. TĐ1ND. Tử trận tại Bồng Sơn,
Bình Định.

49- Th/Úy **NGUYỄN ĐĂNG KHÔI**
1/9/1941-18/9/1965, SQ:61/204829, st Bùi
Chu. TĐ3/TrĐ4/SĐ2BB. Tử trận tại Quế Sơn,
Quảng Nam.



NGUYỄN ĐĂNG KHÔI

50- Tr/Úy **HOÀNG THỌ KHƯƠNG**
6/5/1938-21/12/1967, SQ:58/104491, st Nam
Định. SĐ7BB. Tử trận.



HOÀNG THỌ KHƯƠNG

51- Đ/Úy TT **LÊ VĂN KỊCH**
12/9/1943-12/9/1968, SQ:61/105069, st Lào.
Lực Lượng 101. Tử trận tại Cầu Ngang.

52- Tr/Tá TT **LÊ ĐÌNH KIÊN**
5/12/1940-1972, SQ:60/205817, st Quảng
Nam. TrĐ Phó TrĐ41/SĐ22BB. Tử trận tại
Bình Định.



LÊ ĐÌNH KIÊN

53- Tr/Úy **NGUYỄN VĂN KIÊN**
11/11/1942-27/12/1966, SQ:62/100270, st
Thừa Thiên.
TĐ1/TrĐ1/SĐ1BB. Tử trận tại Quảng Trị.



NGUYỄN VĂN KIÊN

54- Tr/Tá TT **CHÂU MINH KIÊN**
1939-14/9/1969, SQ:59/160540, st An Giang.
SĐ5BB. Tử trận tại Mật Khu Dương Minh
Châu.



CHÂU MINH KIÊN

Trần Cẩm Tường, K19, SĐ5BB viết về
Châu Minh Kiên:

Khi còn là ĐĐT/TĐ1/8/SĐ5BB, trong cuộc hành quân cấp SĐ (năm 1965) vào mật khu Hồ Bò để tiêu diệt các TrĐ 761, 762 Chủ Lực Miền của cục R, khi TĐ lọt vào ổ phục kích giữa rừng tre gai do địch bày sẵn, ĐĐ đi đầu và BCH/TĐ bị địch bao vây, địch chia cắt TĐ ra làm hai. ĐĐi Châu Minh Kiên đi sau cũng đụng địch, súng nổ vang trời, Kiên đã chỉ huy đơn vị anh dũng phản công, vang dậy tiếng hò hét xung phong, làm cho VC kinh hoàng bỏ chạy và ĐĐ đã tịch thu được những loại vũ khí mới thời điểm 1965 như AK47, B40. TĐ Trưởng hết sức khen ngợi Kiên.

Cựu Đại Tá Richard W.Hobbs, TĐT/TĐ/SĐ1HK, người từng sát cánh chiến đấu với Kiên, đã viết về thành tích và lòng dũng cảm của anh như sau:

- “Một trong những đơn vị thiện chiến nhất của Quân Lực VNCH là TĐ1/TrĐ8/SĐ5BB, mà người chỉ huy đơn vị này là Thiếu Tá Châu Minh Kiên”.

Minh Kiên đã ghi trong sổ nhật ký hành quân:

- “Nếu phải chết, chúng tôi phải chết can trường tại trận tuyến, đối diện với địch quân”.

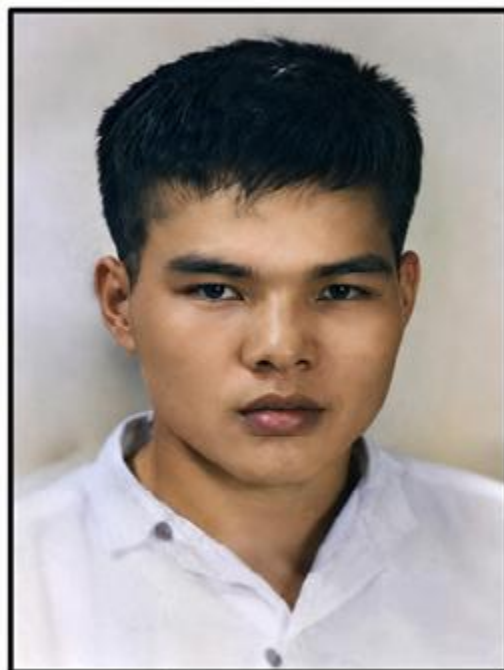
Châu Minh Kiên lên Th/Tá và làm TĐ Trưởng vào giữa năm 1968 và rồi được truy thăng có Tr/Tá trong trận đánh tại mật khu Dương Minh Châu.

55- Th/Tá **NGUYỄN DƯƠNG LÂM**
31/12/1939-1973, SQ:59/404635, st Nha
Trang. TĐT TĐ1/TrĐ53/SĐ23BB. Tử trận tại
Pleime, Pleiku.



NGUYỄN DƯƠNG LÂM

57- Th/Tá **HÀ VĂN LẦU**
7/8/1942-1974, SQ:62/100234, st Hải Ninh.
TĐ79BDQ.
Tử trận tại Thường Đức, Quảng Nam.



HÀ VĂN LẦU

56- Th/Úy **LÊ KIM LÂN**
1942-1966, SQ:62/100067, st Bà Rịa.
TĐ1/TrĐ50/SĐ25BB.
Tử trận tại Gò Đen, Bình Chánh, Long An.



LÊ KIM LÂN

58- Đ/Úy **ĐÀM ĐÌNH LOAN**
1/8/1941-1977, SQ:61/400470, st Hải Dương.
Bộ Binh. Chết trong tù VC tại Miền Bắc.



ĐÀM ĐÌNH LOAN

59- Th/Tá **PHAN TRIỀU LUÂN**
1941-1973, SQ:61/112614, st Cần Thơ.
BDQ. Tử trận.



PHAN TRIỀU LUÂN

60- Đ/Úy TT **NGUYỄN HOÀNG MAI**
9/6/1942-11/7/1968, SQ:62/119998, st Biên
Hòa. SD5BB. Tử trận.



NGUYỄN HOÀNG MAI

61- Th/Úy **HUỲNH VĂN MINH**
1/3/1941-22/5/1965, SQ:61/100042, st Kiến
Hòa. Sĩ quan Trưởng Ban 3/TĐ2/TrĐ48BB
Biệt Lập, khi hành quân mở đường bị lọt ổ
phục kích của địch. Tử trận tại Đồng Xoài,
Phước Long.



HUỲNH VĂN MINH

62- Th/Úy **THÁI NHỎ MINH**
16/8/1940-11/1/1966, SQ:60/211898, st
Quảng Nam. SD2BB. Tử thương vì mìn.

63- Th/Úy **PHAN ĐÌNH NGHIÊM**
12/4/1940-22/12/1965, SQ:60/200914, st Thừa
Thiên, TrđT Trđ2/ĐĐ2/TĐ37BDQ.
Tử trận tại Thạch Trụ, Mộ Đức, Quảng Ngãi.

Hồ Văn Hạc, K19 viết:

*Anh là Trữ Trưởng đóng quân trong khuôn
khổ ĐĐ tại cứ điểm Núi Thọ cách đồn Thạch
Trụ khoảng 700 met thuộc quận Mộ Đức, tỉnh
Quảng Ngãi do TĐ37BDQ đóng. Khoảng 3 giờ
sáng ngày 22/12/1965, cả 2 cứ điểm bị 2 TrĐ
của SD320 Sao Vàng VC với TĐ pháo phòng
không tấn công. Sau nhiều đợt tấn công không
kết quả, đến tờ mờ sáng địch đã quyết liệt dùng
chiến thuật biến người, tiễn pháo hậu xung,
nhưng không thể tràn ngập đồn, đành phải rút
lui. Cả 2 bên đều tổn thất nặng cũng là lúc
Nghiêm tử thương, ngày 22/12/1965.*

64- Đ/Úy **THÁI VĂN NGHIỆP**
20/6/1942-1973, SQ:62/131330, st Long An.
LĐ5BDQ. Tử trận tại An Lộc, Bình Long.

65- Th/Tá **DƯƠNG QUANG NHẬT**
12/2/1940-1971, SQ:60/200909, st Quảng
Bình. TĐT TĐ23 Tiếp Vận/SĐ23BB.
Tử thương trực thăng tại Bắc Ban Mê Thuột.



DƯƠNG QUANG NHẬT

66- Đ/Úy TT **NGUYỄN VĂN NHỰT**
1942-7/1965, SQ:62/129669. ĐĐ Trưởng
ĐĐ2/TĐ44 BDQ. Tử trận tại Sóc Trăng.



NGUYỄN VĂN NHỰT

BDQ Lâm Thuận An, K19 viết:

Vừa tốt nghiệp, trình diện đơn vị, giữ chức vụ ĐDT/ĐĐ2/TĐ44BDQ, tham chiến hành quân Dân Chí 179/ SĐ21BB, anh đã lập chiến công đầu với tài chỉ huy xuất sắc mà đã học được tại quân trường đem ra áp dụng nơi chiến trận. Anh được vinh thăng Tr/Úy tại mặt trận vào ngày 1/1/1965, sau một tuần lễ hành quân. Và suốt mùa xuân năm đó anh đã tiếp tục cùng đơn vị truy sát địch quân, trong các cuộc hành quân Dân Chí tiếp theo để bảo quốc an dân. Nhưng đạn thù đã đưa anh vào miền miên viễn khi tuổi đời chỉ mới 23 vào tháng 7/1965 tại Sóc Trăng. Anh được truy thăng có Đ/Úy.

67- Tr/Úy **LÊ VĂN NIÊN**
15/2/1942-3/3/1966, SQ:62/203156, st Thừa
Thiên.
ĐDT/TrĐ1/SĐ1BB. Tử trận tại Quảng Trị.

68- Th/Tá **NGUYỄN BÁ NIẾT**
20/11/1944-1975, SQ:64/101068, st Hà Đông.
LĐ Phó LĐ Phòng Thủ SĐ6KQ tại Pleiku.
Tử trận trên LTL7B khi triệt thoái.



NGUYỄN BÁ NIẾT

Phạm Đình Long, K19, người được Niết
đẩy lên máy bay, viết:

Tháng 3/1975, là LD Phó LD Phòng Thủ SD6KQ tại Pleiku, với tinh thần trách nhiệm rất cao, Niết đã ở lại đến giờ phút chót để lo sắp xếp di chuyển cho hết người và vật dụng cần thiết, Niết ở lại để phá hủy những chiến cụ không thể mang đi được chứ không để lại cho địch. Tuy là sĩ quan KQ nhưng anh ở lại tới giờ phút cuối, triệt thoát bằng đường bộ và anh đã hy sinh trên LTL 7B.

Tinh thần trách nhiệm, thà hy sinh mình chứ không bỏ đồng đội, đồng bào của một SVSQ/VB.

69- Tr/Úy TT **NGÔ VĂN NÔ**
20/2/1940-21/2/1965, SQ:60/132092, st Gia Định. TĐ1/TrĐ9/SĐ5BB.
Tử trận tại Trị Tâm, Dầu Tiếng.



NGÔ VĂN NÔ

70- Th/Tá **VŨ NGỌC HỒ PAUL**
20/6/1940-30/4/1975, SQ:60/138699, st Hà Nội.
LĐT/ĐPQ. Tử trận tại Long Xuyên.

71- Đ/Úy TT **MÃ DIỆU PHONG**
27/11/1943-6/3/1968, SQ:63/183246, st Châu Đốc.
SĐ21BB. Tử trận tại Cần Thơ.

72- Đ/Úy **NGUYỄN PHÚ**
11/4/1940-1972, SQ:60/404487, st Đà Lạt.
TĐ Phó TĐ2/TrĐ31/SĐ23BB, tử trận tại Kontum.



NGUYỄN PHÚ

73- Đ/Úy **DƯƠNG VĂN PHƯỚC**
5/5/1942-10/9/1969, SQ:62/101606, st Gia Định. ND. Tử thương vì công vụ.



DƯƠNG VĂN PHƯỚC

74- Th/Tá TT **NGUYỄN VĂN PHƯỚC**
9/6/1942-30/10/1968, SQ:62/113169, st Sài Gòn. SĐ5BB. Tử trận.

75- Th/Tá TT **NGUYỄN VĂN PHƯỚC**
28/5/1943-18/11/1969, SQ:63/184429, st Định
Tường. TĐT TĐ1/TrĐ31/SĐ21BB.
Tử trận tại Chương Thiện.

76- Th/Tá **TRƯƠNG ĐÌNH PHƯỚC**
6/7/1941-1979, SQ:61/202667. BCH1TV.
Chết trong tù VC tại Tiên Lãnh, Quảng Nam.



TRƯƠNG ĐÌNH PHƯỚC

77- Đ/Úy **NGUYỄN THẾ PHƯƠNG**
22/7/1942-1973, SQ:62/134528, st Gia Định.
SĐ25BB. Tử trận.



NGUYỄN THẾ PHƯƠNG

78- Th/Úy **NGUYỄN THÁI QUAN**
21/3/1942-28/12/1965, SQ:62/155219, st Chợ
Lớn. BĐQ. Tử trận tại Bình Giã. Ông là một
trong 3 vị Sĩ Quan K19 hy sinh sớm nhất sau
khi tốt nghiệp.



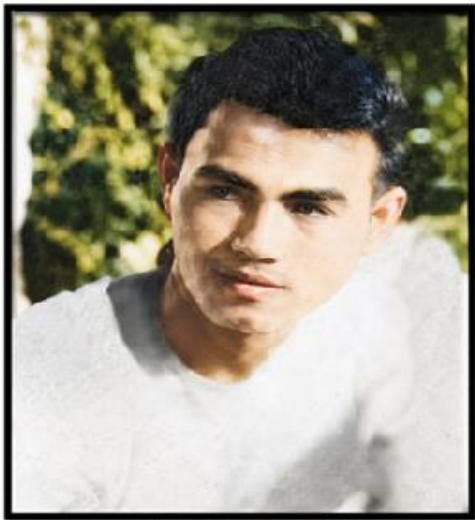
NGUYỄN THÁI QUAN

79-Tr/Úy TT **TRƯƠNG CÔNG QUANG**
4/7/1939-27/11/1965, SQ:59/106388, st Bình
Dương. ĐĐT ĐĐ2/TĐ2/TrĐ7/SĐ5BB.
Tử trận tại Dầu Tiếng.



TRƯƠNG CÔNG QUANG

80- Đ/Úy TT **LÊ VĂN QUẾ**
10/10/1943-6/4/1965, SQ:63/407394, st Thừa
Thiên. ĐĐT ĐĐ4/TĐ44BDQ. Tử trận.



LÊ VĂN QUẾ

BDQ Lâm Thuận An, K19 viết:

*Là sĩ quan trẻ và gan dạ, rất được lòng
binh sĩ thuộc quyền. Đơn vị anh hành quân
trong khuôn khổ hành quân Dân Chí
129/SĐ21BB, góp phần đắc lực trong công tác
an dân. Được vinh thăng Tr/Úy tại mặt trận.
Hơn 3 tháng sau, đơn vị anh kịch chiến với một
đơn vị địch cấp TĐ, anh tử trận, được truy
thăng cổ Đ/Úy khi mới 22 tuổi.*

81- Th/Tá **NGUYỄN ĐĂNG QUY**
20/5/1941-2/1972, SQ:61/203304, st Thừa
Thiên. TĐT TĐ2/TrĐ5/SĐ2BB.
Tử trận tại Đức Phổ, Quảng Ngãi.



82- Th/Tá **NGUYỄN VĂN SINH**
1/9/1941-?, SQ:61/112142, st Hà Đông.
BB. Trốn trại tù VC Bù Gia Mập.
Mất tích.

83- Tr/Úy **HÀ SƠN**
1/2/1942-19/4/1968, SQ:62/210891, st Quảng
Nam. SĐ2BB. Tử trận tại Quảng Tín.



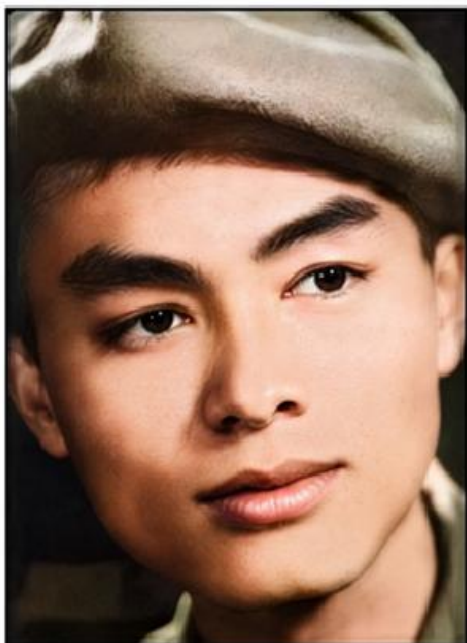
HÀ SƠN

84- Tr/Tá **LÝ VĂN SƠN**
29/2/1940-26/3/1975, SQ:60/130967, st Sài
Gòn. SĐ2BB. Quận Trưởng Quận Lý Tín.
Tử trận tại Chu Lai.



LÝ VĂN SƠN

85- Đ/Úy **LÊ TRỌNG TÀI**
5/2/1943-1977. SQ:63/201314, st Quảng Trị.
Sĩ Quan Không Trụ/SĐ1BB. Chết trong tù VC
tại Bù Gia Mập.



LÊ TRỌNG TÀI

86- Th/Úy **PHẠM MẠNH TÀN**
25/9/1944-8/5/1965, SQ:64/101067, st Hà
Đông. ĐĐ2/TĐ1/TrĐ50/SĐ25BB.
Tử trận tại Bến Lức, Long An.

87- Th/Tá TT **HOÀNG VĂN THẮNG**
10/8/1942-19/2/1970, SQ:62/120852, st Chợ
Lớn. SĐ25BB. Tử trận.



88- Th/Úy **HỒNG DŨ THIỀU**
16/1/1941-8/12/1965, st Nghệ An.
TĐ11BDQ. Tử trận tại Quảng Nam.

89- Th/Tá TT **VŨ CÔNG THIỆU**
6/10/1940-19/8/1968, SQ:60/175805, st Nam
Định. SĐ7BB. Tử trận.



VŨ CÔNG THIỆU

90- Tr/Úy **HOÀNG ĐÌNH THỊNH**
20/3/1944-5/5/1968, SQ:64/100499, st Nam
Định. BDQ. Tử trận tại Bình Chánh.



HOÀNG ĐÌNH THỊNH

91- Đ/Úy TT **NGUYỄN TRÍ THỌ**
6/6/1938-9/5/1969, SQ:58/104197, st Thừa
Thiên. Quan sát viên L19/SĐ1BB. Tử thương
tại Phú Bài, Thừa Thiên.



NGUYỄN TRÍ THỌ

92- Tr/ Úy TT **TRẦN ĐỨC THỌ**
13/4/1940-16/12/1965, SQ:60/130625, st Gia
Định. SĐ5BB. Tử trận.

93- Th/Úy **NGUYỄN HỮU THỌẠI**
19/2/1940-1/8/1965, SQ:60/138570, st Sài
Gòn. SĐ18BB. Tử trận tại Long Khánh, Phước
Tuy.



NGUYỄN HỮU THỌẠI

94- Th/Tá TT **BÙI THUẾ THỎ**
15/7/1942-1967, SQ:62/155696, st Bến Tre.
TĐ42BDQ. Tử trận tại Bạc Liêu.



BÙI THUẾ THỎ

95- Đ/Úy **NGUYỄN VĂN THU**
16/10/1941-5/4/1970, SQ:61/117630, st Bến
Tre. TĐT TĐ23BDQ. Ông là một biểu tượng
của Võ Bì nói chung và K19 nói riêng, về tình
đồng đội, tinh thần trách nhiệm.

Đặng Kim Thu K19 viết:

Nguyễn Văn Thu bị sốt rét, đang nằm bệnh viện, nhưng khi nghe tin TĐ của anh được lệnh hành quân thì anh xin bác sĩ cho một số thuốc uống và xin xuất viện để về tham dự hành quân cùng đồng đội.

BDQ Vương Mộng Long, K20 viết:

Rồi trong cuộc hành quân ấy, TĐ23BDQ kịch chiến với địch quân, hay nói đúng hơn là một bày dã thú. Trong thung lũng Dak-Lao xác anh nằm cạnh xác cổ vấn Mỹ, nhưng cả hai bị VC chặt đầu, cặp lon đại úy bị chúng gỡ mất.

Nguyễn Văn Thu là một cấp chỉ huy can trường và đảm lược ngoài mặt trận, nhưng trong cuộc sống bình thường, Nguyễn Văn Thu là một người bạn, một người anh đầy lòng nhân ái, khoan dung, binh sĩ gọi anh là “Thu Thầy Tu”.

96- Đ/Úy TT **NGUYỄN VĂN THU**
7/7/1943-1/2/1968, SQ:63/407332, st Phan
Thiết. ĐĐT ĐĐ23 Quân Nhu/SĐ23BB.
Tử trận trong Tết Mậu Thân tại Ban Mê
Thuột.



NGUYỄN VĂN THU (1943)

97- Tr/Tá **NGUYỄN QUANG THUẬN**
24/7/1939-1984, SQ: 59/206433, st An Khê.
Chết trong trại tù VC Z30D.

98- Th/Tá **VÕ MỘNG THÚY**
1/10/1941-3/1975, SQ:61/116361, st Gia Định.
BDQ.

Ông là người hùng trong trận VC vây căn
cứ Krek, Cam Bốt năm 1971, được vinh thăng
Th/Tá. Tháng 03/1975, Ông là TĐT
TĐ30BDQ. Tử trận trong cuộc di tản QĐII.



VÕ MỘNG THÚY

99- Đ/Úy TT **NGUYỄN THỪA**
10/1/1941-3/1/1970, SQ:61/401771, st Khánh
Hòa. ĐĐT/TĐ1TQLC. Tử trận tại Chương
Thiện.

100- SVSQ **PHAN THỪA** tử thương ngày
22/10/1964 khi thụ huấn Khóa Rừng Núi Sinh
Lầy tại TTHL/BĐQ Dục Mỹ.

101- Tr/Úy **PHẠM HỮU TỐT**
4/1/1942-28/4/1966, SQ:62/114271, st Vĩnh
Bình. BDQ. Tử trận.



PHẠM HỮU TỐT

102- Tr/Úy TT **NGÔ TRẠC**
12/3/1939-26/6./1965, SQ:59/153197, st Bắc
Ninh. ĐĐT/SĐ25BB. Tử trận tại Cầu An Hạ.

Phạm Đình Long, K19 viết:

*Trong chương trình luân phiên về phép
tháng 6/1965, Ngô Trạc đã được chấp thuận
phép về quê cưới vợ. Đến ngày đi, một Th/Úy
khác trong đơn vị đi phép chưa về kịp chuyển
hành quân. Tình đồng đội và trách nhiệm
chung của người lính chiến, Th/Úy Ngô Trạc
đã bỏ lỡ một chuyến phép và đã tình nguyện
hành quân với ĐĐ. Đã điều động ĐĐ chiến
đấu đương đầu với địch cấp TĐ tại cầu An Hạ.
Anh đã phải hy sinh, được truy thăng có Tr/Úy.*

103- SVSQ **LÊ QUANG TRỊ** tử thương ngày 22/10/1964 khi thụ huấn Khóa Rừng Núi Sinh Lầy tại TTHL/BĐQ Dục Mỹ.

104- SVSQ **NGUYỄN THẾ LONG TRỌNG** tử thương ngày 22/10/1964 khi thụ huấn Khóa Rừng Núi Sinh Lầy tại TTHL/BĐQ Dục Mỹ.



NGUYỄN THẾ LONG TRỌNG

105- Đ/Úy TT **NGUYỄN VĂN TRỌNG** 27/3/1938-14/4/1967, SQ:58/157072, st An Giang. TĐ3TQLC. Tử trận tại Bồng Sơn, Bình Định.



NGUYỄN VĂN TRỌNG

106- Th/Úy **NGUYỄN VĂN TRUẬT** 14/1/1938-3/6/1965, SQ:58/204649, st Đà Nẵng.
ĐĐT ĐĐ1/TĐ1/TrĐ40 SĐ22BB.
Tử trận tại Phú Túc, Tỉnh Phú Bôn.

107- Th/Úy **TRẦN HỮU TRUNG** 5/3/1941-29/9/1965, SQ:61/104152, st Quảng Trị.
SĐ22BB. Tử trận.

108- Đ/Úy **TRẦN TẤN TRUNG** 1/12/1938-1968, SQ:58/104152, st Chợ Lớn.
Sĩ quan Trưởng Ban 3 TĐ/TrĐ11/SĐ7BB.
Tử trận Tết Mậu Thân tại TTHL Hùng Vương/SĐ7BB.



TRẦN TẤN TRUNG

109- Th/Tá TT **NGUYỄN ANH TUẤN**
22/4/1942-22/7/1971, SQ:62/110294, st Mỹ
Tho. Sĩ Quan Tùy Viên của Tư Lệnh QĐIII. Tử
thương trực thăng tại Tây Ninh.



NGUYỄN ANH TUẤN

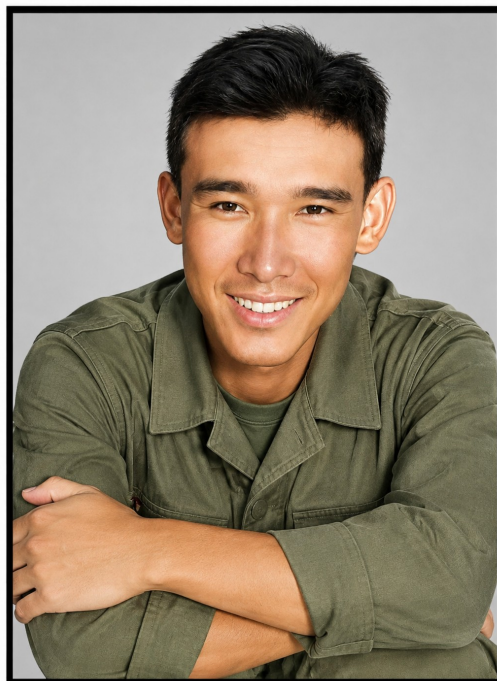
110- SVSQ **BÙI THÌNH TÚC** tử thương
ngày 22/10/1964 khi thụ huấn Khóa Rừng Núi
Sinh Lầy tại TTHL/BĐQ Dục Mỹ.

111- Th/Tá **LÊ VIỆT TÙNG**
11/12/1938-1972, SQ:58/111863, st Thừa
Thiên. TĐ6ND. Tử trận tại Quảng Trị.



LÊ VIỆT TÙNG

112- Th/Tá TT **VŨ THIỆU TÙNG**
19/6/1940-8/7/1968, SQ:60/139503, st Gia
Định. SĐ25BB. Tử trận.



VŨ THIỆU TÙNG

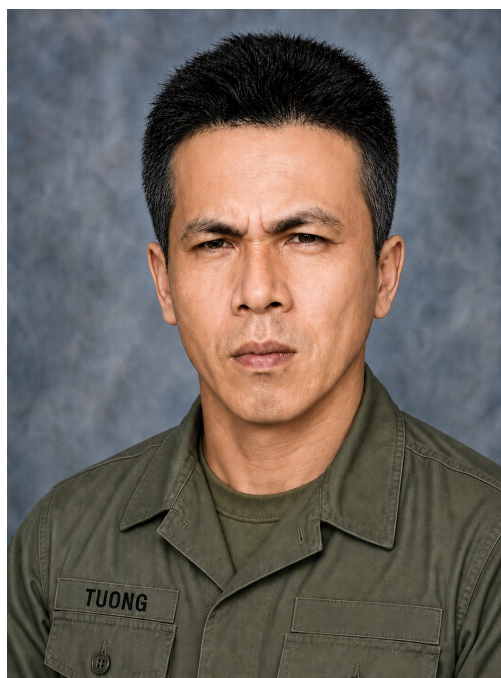
113- Th/Tá **PHẠM VĂN TƯ**
5/5/1944-1976, SQ:64/101066, st Gia Định.
TK Quảng Tín.
Trốn trại tù VC Suối Máu, bị xử bắn.



PHẠM VĂN TƯ

. . . Cuối năm 1975, VC tập trung các sĩ quan, đa số là cấp tá Việt Nam Cộng Hòa từ các trại Long Giao, Hóc Môn về trại Suối Máu, Biên Hòa, đây là trại giam tù Phiến Cộng trước 1975 được bao quanh bằng nhiều hàng rào kẽm gai kiên cố, canh gác cẩn thận, vậy mà Bé và Tư vẫn quyết tâm vượt ngục. Bé đã thoát được ra ngoài, nhưng Tư bị vướng giữa các hàng rào kẽm gai rồi bị chòi canh VC phát giác, súng nổ, Tư bị trọng thương. Khi bọn cai tù kéo Tư ra khỏi hàng rào thì chúng đã “khoan hồng nhân đạo” bắn luôn từ chi của Tư cho nát. Tư bị bỏ mặc nằm trên mặt đất, được kiến mồi tận tình “săn sóc”, côn trùng và VC đã đưa Tư về “cõi phúc” sau một ngày bị dày dọ ở địa ngục trần gian Suối Máu. VC đã tử hình Phạm Văn Tư. (Trích Đặc San Nguyễn Trãi 1962-2012).

114- Tr/Úy TT **TRẦN NGỌC TUỜNG**
17/5/1944-23/5/1965, SQ:64/101065, st Gia Định.
ĐĐT ĐĐ2/TĐ4/TrĐ32/SĐ21BB. Tử trận.



115- Th/Tá **CAO NGỌC VÂN**
26/9/1938-5/1975, SQ:58/104019, st Gò Công.
Quận Trưởng Hà Tiên. Mất tích do không chịu đầu hàng giặc, dẫn quân tẩu thoát đầu tháng 05/1975.



CAO NGỌC VÂN

116- SVSQ **NGUYỄN KHẮC VŨ** tử thương ngày 22/10/1964 khi thụ huấn Khóa Rừng Núi Sinh Lầy tại TTHL/BĐQ Dục Mỹ.

117- SVSQ **BÙI QUANG VỰC** tử thương ngày 22/10/1964 khi thụ huấn Khóa Rừng Núi Sinh Lầy tại TTHL/BĐQ Dục Mỹ.



BÙI QUANG VỰC

118- Tr/Tá **HUỲNH NHƯ XUÂN**
6/3/1942-12/1979, SQ:62/204632, st Huế.
TrĐ Phó TrĐ3/SĐ1BB. Chết tại trại tù VC
Đồng Mộ, Tiên Lãnh, Quảng Nam.



HUỲNH NHƯ XUÂN

Hồ Văn Hạc, K19 viết:

Tr/Tá Huỳnh Như Xuân, là một trong 150 người tù mà VC biệt giam sau năm 1975 tại Trại Biệt Giam Đồng Mộ, Tiên Lãnh, Tỉnh Quảng Nam. Trại tù này đã được Thủ Tướng VC Phạm Văn Đồng gọi là 5% không thể cải tạo được.

Xuân bị bệnh ruột thừa không được chữa trị. Những lần cơn đau hành hạ Xuân, bạn cùng phòng đã báo cáo đến cán bộ quản giáo. Đối thoại giữa quản giáo và an ninh, cho ta thấy rằng không có chính sách chữa trị cho những người tù. Không có thuốc men, Xuân đã trút hơi thở cuối cùng vào tháng 12/1979. Đó là chính sách dã man của CSVN.